

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 28 tháng 8 năm 2024  
V/v: “*Tranh chấp  
Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hương
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm và bà Bùi Thị Hào.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú

Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số 85/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982  
Địa chỉ: Khu A, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.  
(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thiên H, sinh năm 1985  
Địa chỉ: Khu A, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.  
(Hiện nay chị H đang ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thiên H kết hôn ngày 20/11/2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó anh và chị H không liên hệ về với nhau và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07/8/2003 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/01/2009. Hiện nay cháu T1 đã đủ tuổi thành niên lao động tự túc được nên anh không đề nghị giải quyết việc nuôi con. Đối với cháu N hiện nay đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Anh T xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 7 năm 2024 và biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 7 năm 2024, bà Bùi Thị V; địa chỉ: Khu A, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, có quan điểm trình bày như sau*: Bà có quan hệ là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thiên H. Năm 2012 thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay chị H chưa về, chị H vẫn liên hệ với bà qua điện thoại nhưng chị H cũng không nói cho bà biết địa chỉ của chị H nên bà không biết địa chỉ của chị H để cung cấp cho Tòa án. Chị H có biết anh T xin ly hôn nhưng chị H không nói quan điểm về việc anh T xin ly hôn như thế nào nên bà cũng không biết để cung cấp lại cho Tòa án.

- Vợ chồng anh T chị H có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07/8/2003 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/01/2009. Hiện nay cả hai cháu đều ở cùng anh T. Do chị H không nói quan điểm về việc giải quyết nuôi con như thế nào nên bà cũng không biết quan điểm của chị H về việc nuôi con để cung cấp cho Tòa án và bà cam kết nhận văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ thông báo lại cho chị H được biết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thiên H.

*Về con chung*: Giao con chung của anh T và chị H là cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/01/2009 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu nhưng chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Anh T không đề nghị xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T đề nghị giải quyết việc anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thiên H là quan hệ về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Tại công văn số 10002/QLXNC-P3 ngày 13/5/2024 của Cục Q - Bộ C cung cấp: “...Nguyễn Thị Thiên H, sinh ngày 13/9/1985, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 11/11/2012, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Căn cứ nội dung Tại công văn số 10002/QLXNC-P3 ngày 13/5/2024 của Cục Q - Bộ C cung cấp, có đủ sở để xác định tại thời điểm trước khi thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị Thiên H đang ở nước ngoài; quá trình giải quyết vụ án, chị H vắng mặt nên Tòa án không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thu V1 là mẹ đẻ của chị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T, chị H là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án:*

3.1. *Xét đề nghị của anh T xin được ly hôn chị H thấy rằng:* Anh T và chị H kết hôn ngày 20/11/2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không còn liên hệ quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

3.2. *Xét đề nghị của anh T xin được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Thanh N thấy rằng:* Anh T và chị H có hai con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07/8/2003 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/01/2009. Hiện nay cháu T1 đã đủ tuổi thành niên lao động tự túc được nên anh T không đề nghị giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi là đúng pháp luật. Đối với cháu Nguyễn Thị Thanh N hiện nay chưa đủ tuổi thành niên, nhưng đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng xin được trực tiếp ở với anh T và hiện nay cháu N đang ở cùng anh T; trong khi hiện nay chị H

đang ở nước ngoài. Nên cần chấp nhận đề nghị của anh T, giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu nhưng chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.3. *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về án phí:* Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. *Về điều luật áp dụng:*

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

[2] *Xử:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thiên H.

2.2. *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Xuân T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/01/2009 kể từ khi anh T và chị H ly hôn đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000171 ngày 28/5/2024, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đồng Trung;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hán Hưởng**